

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương
(đoạn từ ngã ba Ông Thọ đến cầu Sông Ngang)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 607/TTr-STC ngày 22/10/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương (đoạn từ ngã ba Ông Thọ đến cầu Sông Ngang).

- Chủ đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn.

- Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Bình, Nhơn Phú, Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: từ ngày 02/4/2019 đến ngày 05/2/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nguồn vốn	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán	Thực hiện	
			Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	40.960.073	36.142.907	34.107.481	2.035.426
1. Đã thanh toán			34.355.004	
- Vốn ngân sách nhà nước, trong đó:			34.355.004	

Nguồn vốn	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán	Thực hiện	
			Đã thanh toán	Còn được thanh toán
+ Vốn ngân sách tỉnh:			10.000.000	
<i>Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh năm 2019</i>			<i>10.000.000</i>	
+ Vốn ngân sách thành phố			24.355.004	
<i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất năm 2019</i>			<i>21.654.811</i>	
<i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất năm 2019 chuyển sang năm 2020</i>			<i>2.700.193</i>	
2. Vốn còn phải thu hồi			247.523	

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	40.960.073	36.142.907
1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	98.219	98.027
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ	96.294	96.294
- Chi phí phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường	1.733	1.733
- Chi phí thẩm định phương án	13	0
- Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán phương án	58	0
2. Chi phí xây dựng	34.646.447	33.246.024
A. Phần việc do Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức thực hiện		25.090.647
- Chi phí xây dựng		24.100.738
- Hạng mục chung		989.909
+ <i>Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công</i>		<i>461.140</i>
+ <i>Chi phí một số công tác khác không xác định được khối lượng từ thiết kế</i>		<i>482.869</i>
+ <i>Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công</i>		<i>45.900</i>
B. Phần việc do Công ty TNHH Đình Phát thực hiện		8.155.377
- Chi phí xây dựng		7.836.183
- Hạng mục chung		319.194

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
+ Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		149.351
+ Chi phí một số công tác khác không xác định được khối lượng từ thiết kế		156.388
+ Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công		13.455
3. Chi phí quản lý dự án	892.190	752.477
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.342.691	1.629.648
- Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	443.161	443.161
+ Chi phí khảo sát bước lập báo cáo NCKT	180.898	180.898
+ Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	262.263	262.263
- Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán	835.652	777.819
+ Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	209.832	182.460
+ Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	625.820	595.359
- Chi phí giám sát khảo sát	15.911	14.464
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	5.427	4.933
- Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán	0	0
- Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	22.060	18.692
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	72.475	72.475
- Chi phí giám sát thi công xây dựng	546.480	298.104
- Chi phí kiểm định chất lượng công trình	401.525	0
5. Chi phí khác	2.179.313	416.731
- Chi phí bảo hiểm công trình	153.413	153.413
- Phí thẩm định dự án	9.279	9.279
- Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	69.252	69.250
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT khảo sát, lập thiết kế BVTC, dự toán	2.000	2.000
- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT khảo sát, lập thiết kế BVTC, dự toán	2.000	2.000
- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT xây lắp	57.863	52.014
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT giám sát thi công xây dựng	2.000	2.000
- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT giám sát thi công xây dựng	2.000	2.000

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
- Chi phí HĐTV giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	9.619	0
- Chi phí đánh giá tác động môi trường	0	0
- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	50.000	0
- Chi phí hạng mục chung	1.477.002	
+ Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		
+ Chi phí một số công tác khác không xác định được khối lượng từ thiết kế		
+ Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công		
- Chi phí kiểm toán	219.990	0
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	124.894	124.775
6. Dự phòng chi	801.213	0
- Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	801.213	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
b. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			36.142.907.000	36.142.907.000
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			36.142.907.000	36.142.907.000

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 36.142.907.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	36.142.907.000	
- Đã bố trí :	34.355.004.000	
+ Ngân sách tỉnh:	10.000.000.000	

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<i>Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh năm 2019</i>	10.000.000.000	
+ Ngân sách thành phố	24.355.004.000	
<i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất năm 2019</i>	21.654.811.000	
<i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất năm 2019 chuyển sang năm 2020</i>	2.700.193.000	
- Vốn còn phải thu hồi:	247.523.000	
- Chưa bố trí:	2.035.426.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

+ Tổng nợ phải thu: 247.523.0000 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý dự án 247.523.0000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 2.035.426.000 đồng, trong đó:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền
Tổng số	2.035.426.000
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	1.733.000
+ Chi phí phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường GPMB	1.733.000
- Chi phí xây dựng	1.729.924.000
+ Chi phí xây dựng do Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức thực hiện	1.258.590.000
+ Chi phí xây dựng do Công ty TNHH Đình Phát thực hiện	471.334.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	122.980.000
+ Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	45.161.000
+ Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán	77.819.000
- Chi phí khác	180.789.000
+ Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT khảo sát, lập TKBVTC, dự toán	2.000.000
+ Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT giám sát thi công xây dựng	2.000.000
+ Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT xây lắp	52.014.000
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	124.775.000

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn.	36.142.907.000

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định..

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng